

**TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN TKV-CTCP**

Số: **582** /TTr -VIMICO

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày **15** tháng 03 năm 2022

### **TỜ TRÌNH**

**V/v thông qua hợp đồng khai thác, sàng tuyển, chế biến khoáng sản năm 2022 với Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP sửa đổi, bổ sung lần thứ ba được ban hành kèm theo Quyết định số 345/QĐ-VIMICO ngày 11/4/2018 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP,

Hội đồng quản trị báo cáo, trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 thông qua Hợp đồng khai thác, sàng tuyển, chế biến khoáng sản năm 2022 giữa Tổng công ty Khoáng sản TKV-CTCP và cổ đông là Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam với những nội dung điều khoản như bản dự thảo Hợp đồng kèm theo.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty xem xét, thông qua./

*Nơi nhận:*

- Như trên;
- Lưu VP, HDQT.

**TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Văn Hải**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

(DỰ THẢO)

**HỢP ĐỒNG**

**KHAI THÁC, SÀNG TUYỂN, CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN NĂM 2022**

**Số: /2022/HĐKD**

**I. CÁC CĂN CỨ ĐỂ KÝ HỢP ĐỒNG**

Luật thương mại được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XI, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 105/2018/NĐ-CP ngày 08/08/2018 của Chính phủ về việc phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (TKV);

Căn cứ Quyết định số 1759/QĐ-TKV ngày 27 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam về việc phê duyệt các chỉ tiêu chủ yếu Kế hoạch phối hợp kinh doanh năm 2021 của Tập đoàn các công ty TKV (Tổ hợp công ty mẹ - Công ty con Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam);

Căn cứ thỏa thuận chung ngày 29/12/2021 về thực hiện Kế hoạch phối hợp kinh doanh năm 2022,

Hôm nay, ngày      tháng      năm 2021, tại ....., Chúng tôi gồm các bên dưới đây:

**1. Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (TKV)** là Công ty TNHH 1 TV do Nhà nước làm chủ sở hữu, được Nhà nước giao nhiệm vụ thực hiện chức năng chủ thể quản lý tài nguyên khoáng sản than,... với mục tiêu phát triển công nghiệp than và các ngành, nghề khác một cách bền vững; đáp ứng nhu cầu than của nền kinh tế; hoàn thành các nhiệm vụ do Nhà nước giao. Trong Hợp Đồng này TKV là **Bên A**.

Địa chỉ: Số 226, đường Lê Duẩn, Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Điện thoại số: (84)4.5180141-(84)4.8510780, Fax (84) 4.510724

Mã số thuế doanh nghiệp: 5700100256

Tài khoản số: 102010000011613 - Ngân hàng công thương Hoàn Kiếm Hà Nội

Đại diện là Ông: Đặng Thanh Hải.

Chức vụ: Tổng Giám đốc.

**2. Tổng Công ty Khoáng sản TKV - CTCP (VIMICO)** là một công ty có tư cách pháp nhân Việt Nam, chuyên ngành khai thác mỏ, chế biến và kinh doanh các sản phẩm Khoáng sản tự nguyện tham gia hợp đồng phối hợp kinh doanh; trong Hợp Đồng này Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP được gọi là **Bên B**.

Địa chỉ: Số 193 Nguyễn Huy Tưởng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Điện thoại: (84)4.62876666, Fax : (84)4.62883333

Mã số thuế doanh nghiệp: 0100103087

Tài khoản: 012010000029980

Đại diện là Ông: Trịnh Văn Tuệ

Chức vụ: Tổng Giám đốc.

## **II. HAI BÊN THỎA THUẬN KÝ HỢP ĐỒNG VỚI NHỮNG ĐIỀU KHOẢN SAU:**

### **Điều 1. Nội dung**

1.1. Bên B đồng ý nhận khai thác, sàng tuyển, chế biến sản phẩm khoáng sản năm 2022 và giao cho Bên A với khối lượng, chất lượng và giá cả được quy định trong hợp đồng này (có Phụ lục kèm theo) và các văn bản hướng dẫn, quy định của TKV trong quá trình thực hiện hợp đồng (nếu có).

Bên A ủy quyền cho Bên B ký các hợp đồng tiêu thụ sản phẩm Tinh quặng sắt, Vàng, Bạc, Axít H<sub>2</sub>SO<sub>4</sub>, Thạch cao với các khách hàng. Bên B xây dựng phương án tiêu thụ, xác định giá báo cáo TKV xem xét thẩm định và phê duyệt để áp dụng cho cả năm 2022.

1.2. Bên B có trách nhiệm hoàn thành tiến độ các công trình ĐTXD theo kế hoạch, đảm bảo năng lực khai thác, chế biến khoáng sản cho Bên A và bảo vệ môi trường.

### **Điều 2. Giá cả và giá trị thanh toán**

2.1. Hai bên thỏa thuận và thống nhất rằng: Đối với sản phẩm Đồng tâm và Tinh quặng đồng: giao nhận (mua bán) theo tiến độ, khối lượng và chất lượng trong Điều 1, Bên A thanh toán trả cho Bên B chi phí thực hiện các công đoạn sản xuất trên cơ sở định mức kinh tế - kỹ thuật, bao gồm cả lợi nhuận định mức kế hoạch.

2.2. Điều chỉnh giá: Căn cứ tình hình thực hiện, hai bên thống nhất điều chỉnh giá mua bán theo Quy chế quản trị chi phí kinh doanh của TKV ban hành, được áp dụng thống nhất trong Tập đoàn các công ty TKV và các văn bản hướng dẫn, điều chỉnh bổ sung (nếu có).

- Trường hợp Bên B được Bên A chi khuyến khích sản lượng, chất lượng khoáng sản, Bên A thực hiện điều chỉnh giá mua khoáng sản tương ứng số tiền khuyến khích sản lượng, chất lượng khoáng sản Bên B được hưởng.

- Việc điều chỉnh giá được hai bên thống nhất bằng Phụ lục hợp đồng đính kèm Hợp đồng này.

2.3. Bên B phải tổ chức quản trị chi phí, giá thành, giá bán theo các quy định hiện hành của Tập đoàn, có cơ chế điều tiết nội bộ lợi thế chênh lệch giữa các đơn vị khai thác tài nguyên có các điều kiện tự nhiên khác nhau nhằm tạo sự bình đẳng cho các đơn vị đồng thời tăng cường tích tụ vốn để đầu tư phát triển.

2.4. Bên B có trách nhiệm thực hiện chi phí thăm dò thuộc Đề án thăm dò nâng cấp trữ lượng trong ranh giới các GPKT và thăm dò Khai thác, công tác trắc địa, chi phí môi trường, chi phí cấp cứu mỏ, đào tạo y tế đã được tính toán giao khoán trong kế hoạch PHKD và các văn bản hướng dẫn của TKV.

### **Điều 3. Phương thức nghiệm thu sản phẩm và thanh toán**

3.1. Sản phẩm được công nhận là đã giao nộp cho Bên A khi đã bốc trên phương tiện của khách hàng, phương tiện của Bên A tại kho của Bên B; hoặc giao tại kho, bãi của Bên A và được Bên A (hoặc đơn vị được Bên A ủy quyền) chấp nhận.

3.2. 6 tháng và cả năm, Bên A tổ chức kiểm tra, xác nhận tổng sản phẩm mà Bên B đã giao nhận và các chỉ tiêu khác như đã thống nhất trong các Phụ lục Hợp đồng này.

3.3. Bên A thanh toán tiền mua sản phẩm cho Bên B theo điều khoản của Hợp đồng mua/bán với Khách hàng và với Bên B.

3.4. Kết thúc năm, căn cứ khối lượng sản phẩm giao nộp theo quy định và các chỉ tiêu theo hợp đồng đã ký, hai bên thống nhất thanh lý hợp đồng.

#### **Điều 4. Nghĩa vụ và quyền lợi của các bên**

##### **4.1. Bên A**

4.1.1. Có các nghĩa vụ sau:

4.1.1.1. Giao cho Bên B quản lý, sử dụng phần vốn của chủ sở hữu tại công ty để kinh doanh.

4.1.1.2. Thống nhất quản lý, hỗ trợ về công nghệ, quản lý và điều hành của Tập đoàn, bao gồm nhưng không giới hạn các công tác sau đây:

a. Tổ chức nghiên cứu và triển khai áp dụng công nghệ mới trong khai thác, chế biến khoáng sản và các sản phẩm khác.

b. Nghiên cứu hoàn thiện và nâng cao hiệu quả quản lý, áp dụng các phương pháp quản lý tiên tiến, hiện đại. Hướng dẫn, ban hành các quy chế, quy trình, quy định, định mức KTKT và đơn giá áp dụng trong phạm vi toàn Tập đoàn.

c. Giải quyết kịp thời các đề xuất, kiến nghị của Bên B trong các lĩnh vực đầu tư XD CB; an toàn lao động, quản lý lao động, tiền lương; công tác tổ chức cán bộ; công tác kế toán, tài chính và các công tác khác theo đúng Điều lệ TKV, quy chế, quy định hiện hành.

4.1.1.3. Hướng dẫn các công ty tham gia kế hoạch phối hợp kinh doanh thực hiện các cam kết trong các hợp đồng về cung ứng vật tư, hàng hoá, dịch vụ, xây dựng cơ sở vật chất và nâng cao chất lượng công tác đào tạo nguồn nhân lực, phục vụ và chăm lo sức khỏe người lao động trong toàn Tập đoàn.

4.1.1.4. Các quyết định, văn bản hướng dẫn về điều chỉnh các chỉ tiêu kế hoạch phối hợp kinh doanh, giá bán sản phẩm, cơ chế khuyến khích sản xuất - tiêu thụ, các văn bản hướng dẫn, quy định nội bộ có liên quan của Tổng Giám đốc TKV và/hoặc người được Tổng Giám đốc uỷ quyền đều được coi là phụ lục của Hợp đồng này.

4.1.2. Các quyền lợi:

4.1.2.1. Sử dụng các công cụ quản lý, điều tiết toàn ngành về tài nguyên, vốn, lao động, công nghệ, thị trường nhằm đảm bảo tăng trưởng, chất lượng và hiệu quả sản xuất kinh doanh chung toàn Tập đoàn.

4.1.2.2. Tăng cường tích lũy vốn, đầu tư phát triển sản xuất, ...

4.1.2.3. Tổng Giám đốc TKV tự mình và/hoặc uỷ quyền cho các Phó Tổng Giám đốc, các viên chức thuộc bộ máy quản lý điều hành của TKV kiểm tra tiến độ thực hiện hợp đồng.

##### **4.2. Bên B**

4.2.1. Có các nghĩa vụ sau:

4.2.1.1. Bên B cam kết sử dụng mọi nguồn lực và các giải pháp quản lý trong phạm vi quyền hạn của mình được Pháp luật quy định để bảo vệ tài nguyên, ranh giới mỏ đã được Bộ Tài nguyên - Môi trường cấp phép và được Bên A giao nhằm không để thất thoát khoáng sản hoặc để khai thác, vận chuyển, tiêu thụ khoáng sản trái phép trong phạm vi ranh giới mỏ, kho, bến cảng được giao quản lý.

4.2.1.2. Tuân thủ quy phạm kỹ thuật, quy trình công nghệ, cải thiện điều kiện kỹ thuật, điều kiện làm việc cho người lao động; là chủ thể chịu trách nhiệm chính đảm bảo an toàn lao động, an toàn về máy móc thiết bị, an toàn về vốn, bảo vệ môi trường.

4.2.1.3. Chuẩn bị đầy đủ các nguồn lực, bao gồm nhưng không giới hạn bởi đầu tư máy móc, thiết bị, chuẩn bị đủ nguồn nhân lực... để hoàn thành các chỉ tiêu đã cam kết tại Điều 1 và đảm bảo sự phát triển bền vững của đơn vị. Chủ động đổi mới công nghệ, tăng năng suất lao động, giảm tổn thất trong khai thác và tăng giá trị sản phẩm thu được sau chế biến so với năm trước.

4.2.1.4. Quản trị chặt chẽ khối lượng mỏ và chỉ tiêu công nghệ, chi phí theo Quy chế của HĐTV TKV ban hành và chịu trách nhiệm trước Tập đoàn và trước Pháp luật về số liệu do đơn vị tổng hợp, báo cáo. Trường hợp, Bên B báo cáo không đúng số liệu thực tế thực hiện thì sẽ phải tự chịu trách nhiệm theo quy định của TKV, của Nhà nước và tự chịu các chi phí phát sinh tăng, giảm nếu có theo quy định pháp luật hiện hành.

4.2.1.5. Đảm bảo các chế độ về ăn ca, ăn định lượng, bồi dưỡng độc hại, thu nhập của người lao động và lợi nhuận không giảm so với kế hoạch.

4.2.1.6. Thực hiện đầy đủ các quy định về điều hành sản xuất, tiêu thụ, chế độ báo cáo thống kê, các quy chế, quy định khác của TKV và Nhà nước đã ban hành. Duy trì tất cả các báo cáo và hồ sơ liên quan đến việc thực hiện các nghĩa vụ của mình theo Hợp Đồng này, và giữ an toàn tất cả các bản vẽ, tài liệu liên quan đến thực hiện Hợp Đồng này.

4.2.1.7. Cho phép tiếp cận và cung cấp các thông tin hợp lý cho Đại diện của Bên A cũng như tất cả các đại diện được uỷ quyền hợp lệ của các cơ quan Nhà nước Trung ương hay Địa phương, trong quá trình mà những cán bộ này tiến hành giám sát một cách hợp lý sản xuất kinh doanh của đơn vị.

4.2.1.8. Nộp thuế vào ngân sách Nhà nước theo quy định hiện hành.

4.2.2. Các quyền lợi:

4.2.2.1. Toàn quyền sử dụng tổng chi phí mà Bên A thanh toán để chi trả theo yêu cầu sản xuất và theo chế độ quy định.

4.2.2.2. Chủ động điều hành quá trình sản xuất kinh doanh trên cơ sở thực hiện các điều khoản ghi trong hợp đồng này.

**Điều 5. Thủ tục giải quyết các vướng mắc và trách nhiệm của các bên do vi phạm hợp đồng**

5.1. Hai bên cần chủ động thông báo cho nhau biết tiến độ thực hiện hợp đồng, nếu có vấn đề bất lợi gì phát sinh, các bên phải kịp thời thông báo cho nhau biết và chủ động bàn bạc giải quyết trên cơ sở thương lượng đảm bảo lợi ích của hai bên (có biên bản ghi toàn bộ nội dung đó).

5.2. Trường hợp cần sửa đổi hợp đồng: khi cần thay đổi quy cách, chất lượng sản phẩm cho phù hợp với nhu cầu người tiêu dùng,....

5.3. Bên nào đã ký hợp đồng mà không thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ như đã thống nhất trong hợp đồng sẽ bị phạt vi phạm hợp đồng và bên vi phạm hợp đồng còn phải bồi thường cho bên kia những thiệt hại do vi phạm hợp đồng gây ra.

Trong đó:

a. Trường hợp Bên B để xảy ra tình trạng khai thác khoáng sản trái phép trong ranh giới mỏ và/hoặc để thất thoát sản phẩm trong quá trình khai thác, vận chuyển, tiêu thụ thì: Bên B phải bồi thường cho Bên A toàn bộ giá trị sản phẩm bị thất thoát và các chi phí liên quan khác.

b. Bên B phải chịu phạt vi phạm hợp đồng bằng 8% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm cho mỗi lần vi phạm (thực hiện theo quy định tại Điều 301-Luật thương mại năm 2005).

**Điều 6. Thời hạn có hiệu lực của hợp đồng**

Hợp đồng có giá trị hiệu lực từ ngày 01/01/2022 và thực hiện trong năm 2022. Hợp đồng được lập thành 6 bản mỗi bên 03 bản có giá trị ngang nhau./.

**ĐẠI DIỆN BÊN B  
TỔNG GIÁM ĐỐC**

**ĐẠI DIỆN BÊN A  
TỔNG GIÁM ĐỐC TKV**

**Trịnh Văn Tuệ**

**Đặng Thanh Hải**





Hà Nội, ngày ... tháng 3 năm 2022

**QUY CHẾ**  
**TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022**  
**TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN TKV – CTCP**

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP sửa đổi, bổ sung lần thứ ba được ban hành kèm theo Quyết định số 456/QĐ-VIMICO ngày 29/4/2021 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP;

Căn cứ Quyết định số 160/QĐ-VIMICO ngày 21/02/2022 của HĐQT Tổng công ty Khoáng sản - TKV về việc thành lập Ban Tổ chức chuẩn bị ĐHĐCĐ thường niên năm 2022;

Hội đồng quản trị Tổng công ty dự thảo Quy chế làm việc tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 như sau:

**Chương I**

**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng**

1. Quy chế này áp dụng cho việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2022 của Tổng công ty Khoáng sản TKV-CTCP.

2. Quy chế này quy định cụ thể về quyền và nghĩa vụ của cổ đông, đại diện cổ đông, và các Bên tham dự ĐHĐCĐ, điều kiện, thể thức tiến hành ĐHĐCĐ và biểu quyết thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

3. Cổ đông, đại diện cổ đông và các Bên tham gia ĐHĐCĐ có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

**Điều 2. Mục tiêu**

1. Đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch.

2. Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tổ chức ĐHĐCĐ được thực hiện thành công và tuân thủ các quy định của pháp luật.

**Chương II**

**ĐIỀU KIỆN THAM DỰ ĐHĐCĐ, QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ  
CỦA CỔ ĐÔNG, NGƯỜI THAM DỰ ĐHĐCĐ**

**Điều 3. Điều kiện tham dự ĐHĐCĐ**

Là các cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền bằng văn bản (theo mẫu của Tổng công ty) của một hoặc nhiều cổ đông có tên trong danh sách cổ đông của Tổng công ty tại thời điểm chốt danh sách ngày 08/3/2022 do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) xác nhận.

#### **Điều 4. Quyền của cổ đông khi tham dự ĐHĐCĐ**

Cổ đông có thể tham dự Đại hội đồng cổ đông theo một trong các hình thức sau đây:

1. Trực tiếp tham dự họp Đại hội đồng cổ đông;
2. Ủy quyền cho người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp cổ đông là tổ chức không có người đại diện theo ủy quyền theo quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều 14 của Luật Doanh nghiệp thì ủy quyền người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông là tổ chức có sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa ba người tham dự họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp cổ đông là tổ chức cử nhiều người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần cho mỗi người đại diện. Trường hợp cổ đông không xác định số cổ phần tương ứng cho mỗi người đại diện theo ủy quyền, số cổ phần sẽ được chia đều cho số lượng người đại diện theo ủy quyền.
3. Được Ban Tổ chức thông báo công khai nội dung chương trình ĐHĐCĐ.
4. Phát biểu, thảo luận và biểu quyết tất cả các nội dung trong chương trình ĐHĐCĐ thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ theo quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2020, các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan và Điều lệ Tổng công ty Khoáng sản TKV-CTCP.
5. Tại ĐHĐCĐ, mỗi cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền khi tới tham dự ĐHĐCĐ được nhận Thẻ biểu quyết (trong đó có ghi mã số cổ đông và số cổ phần có quyền biểu quyết) sau khi đăng ký tham dự họp ĐHĐCĐ với Ban kiểm tra tư cách cổ đông.
6. Giá trị biểu quyết của Thẻ biểu quyết tương ứng với tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết mà người đó sở hữu hoặc đại diện theo đăng ký tham dự ĐHĐCĐ trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các đại biểu có mặt tại ĐHĐCĐ.
7. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền đến dự họp ĐHĐCĐ muộn có quyền đăng ký ngay, sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại ĐHĐCĐ, nhưng Chủ tọa không có trách nhiệm dừng cuộc họp và hiệu lực của các đợt biểu quyết tiến hành trước đó sẽ không bị ảnh hưởng. Trường hợp Ban Kiểm tra kết quả kiểm phiếu đang tiến hành kiểm Phiếu biểu quyết thì cổ đông không có quyền biểu quyết. Ban Kiểm phiếu có trách nhiệm cộng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông đến muộn vào tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại ĐHĐCĐ để tính tỷ lệ thông qua các nội dung biểu quyết ở phần sau.

#### **Điều 5. Nghĩa vụ của cổ đông khi tham dự ĐHĐCĐ**

1. Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền đến dự ĐHĐCĐ mang theo giấy tờ sau:
  - a. Thư mời;



b. Giấy chứng minh thư nhân dân/Thẻ căn cước hoặc Hộ chiếu còn hiệu lực;

c. Giấy uỷ quyền theo mẫu gửi kèm thư mời họp ĐHĐCĐ (Trường hợp được uỷ quyền tham dự ĐHĐCĐ: Trường hợp cổ đông là cá nhân thì văn bản uỷ quyền phải được ký bởi cổ đông đó; Trường hợp cổ đông là pháp nhân/tổ chức thì văn bản uỷ quyền phải được đóng dấu và ký bởi đại diện theo pháp luật của pháp nhân/tổ chức đó);

d. Cổ đông chỉ được chính thức tham dự và biểu quyết tại ĐHĐCĐ sau khi đã thực hiện các thủ tục đăng ký và chứng minh tư cách cổ đông hoặc/và đại diện uỷ quyền của mình là hợp lệ với Ban Kiểm tra tư cách cổ đông.

2. Trường hợp cổ đông đã uỷ quyền cho người khác mà không có thông báo bằng văn bản về việc hủy uỷ quyền thì cổ đông đó khi tham dự ĐHĐCĐ không được nhận thẻ biểu quyết tại ĐHĐCĐ nếu người được uỷ quyền của họ đã làm thủ tục nhận thẻ biểu quyết.

3. Người được uỷ quyền tham dự ĐHĐCĐ không được uỷ quyền lại cho bên thứ ba.

4. Trong thời gian diễn ra ĐHĐCĐ, cổ đông/đại diện của cổ đông phải tuân thủ theo sự hướng dẫn, điều khiển của Chủ tọa, tôn trọng kết quả làm việc của ĐHĐCĐ, ứng xử văn minh, lịch sự, không gây mất trật tự.

5. Cổ đông, người đại diện theo uỷ quyền tham dự họp ĐHĐCĐ phải chấp hành nghiêm chỉnh Quy chế này, nếu vi phạm thì tùy theo mức độ cụ thể Chủ tọa sẽ xem xét và có hình thức xử lý theo quy định tại Điều 146 Luật Doanh nghiệp hiện hành.

6. Cổ đông hoặc người được uỷ quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Trường hợp cổ đông rời cuộc họp trước khi ĐHĐCĐ biểu quyết mà không thông báo với Ban Kiểm phiếu thì cổ đông đó coi như đã đồng ý với tất cả những vấn đề sẽ được biểu quyết tại ĐHĐCĐ.

#### **Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa ĐHĐCĐ**

1. Chủ tịch HĐQT Tổng công ty là Chủ tọa ĐHĐCĐ. Đoàn Chủ tọa gồm Chủ tọa ĐHĐCĐ, Chủ tọa ĐHĐCĐ có thể chỉ định một số người trong Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông cùng điều hành ĐHĐCĐ.

2. Chủ tọa ĐHĐCĐ có các quyền và trách nhiệm sau:

a. Chủ trì, điều khiển ĐHĐCĐ; Chủ tọa tiến hành các công việc cần thiết để điều khiển ĐHĐCĐ một cách hợp lệ, có trật tự, và đảm bảo ĐHĐCĐ phản ánh được mong muốn của đa số cổ đông tham dự;

b. Quyết định của Chủ tọa ĐHĐCĐ về vấn đề trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của ĐHĐCĐ sẽ mang tính phán quyết cao nhất;

c. Hướng dẫn ĐHĐCĐ thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề nằm trong nội dung chương trình của ĐHĐCĐ;

d. Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để ĐHĐCĐ biểu quyết;

e. Trả lời hoặc chỉ định thành viên Ban chủ tọa trả lời những vấn đề do ĐHĐCĐ yêu cầu;

f. Chủ tọa có quyền trì hoãn ĐHĐCĐ đến một thời điểm khác hoặc một địa điểm khác phù hợp với quy định tại khoản 8 Điều 146 của Luật Doanh nghiệp năm 2020 và Điều lệ Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của ĐHĐCĐ đã đủ số đại biểu cần thiết theo quy định .

g. Chủ tọa ĐHĐCĐ có quyền:

- Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

- Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

### **Điều 7. Ban Thư ký ĐHĐCĐ**

1. Ban Thư ký gồm 02 thành viên do Chủ tọa cử để giúp việc ĐHĐCĐ. Ban Thư ký chịu trách nhiệm trước Chủ tọa và ĐHĐCĐ về nhiệm vụ của mình.

2. Ban Thư ký thực hiện các công việc trợ giúp theo sự phân công của Chủ tọa, có nhiệm vụ:

a. Ghi chép, phản ánh trung thực, chính xác, đầy đủ nội dung biên bản đối với diễn biến cuộc họp ĐHĐCĐ, dự thảo các văn kiện, kết luận, và thông báo của Chủ tọa gửi đến các cổ đông khi được yêu cầu; trình bày trước ĐHĐCĐ về Biên bản họp và dự thảo Nghị quyết của ĐHĐCĐ.

b. Tiếp nhận Phiếu đăng ký phát biểu, ý kiến khiếu nại (nếu có) của cổ đông.

### **Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm tra tư cách cổ đông**

1. Ban kiểm tra tư cách cổ đông gồm một (01) Trưởng Ban và các thành viên do Hội đồng quản trị (“HĐQT”) Tổng công ty quyết định để thực hiện các chức năng và nhiệm vụ như sau:

a. Kiểm tra tư cách cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền của cổ đông đến dự họp: Yêu cầu cổ đông tham dự ĐHĐCĐ và khách mời xuất trình Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu, Giấy ủy quyền (đối với đại diện được ủy quyền);

b. Phát cho cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến dự họp: Phiếu biểu quyết các tài liệu họp liên quan khác;

c. Báo cáo trước ĐHĐCĐ về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông dự họp ĐHĐCĐ tại các thời điểm sau:

- Trước khi khai mạc ĐHĐCĐ;
- Trước mỗi lần biểu quyết của Đại hội nếu có sự thay đổi về số cổ đông đăng ký tham dự ĐHĐCĐ (Cổ đông đến muộn đăng ký dự họp).

d. Thực hiện các công việc khác do Ban Tổ chức ĐHĐCĐ hoặc Chủ tọa ĐHĐCĐ phân công.

2. Trường hợp người đến dự họp không có đầy đủ tư cách tham dự ĐHĐCĐ thì Ban kiểm tra tư cách cổ đông có quyền từ chối quyền dự họp của người đó, từ chối cấp thẻ biểu quyết và phát tài liệu của ĐHĐCĐ.

3. Ban kiểm tra tư cách cổ đông có quyền thành lập bộ phận giúp việc để hoàn thành nhiệm vụ của Ban.

### **Điều 9. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm tra kết quả biểu quyết**

1. Ban kiểm tra kết quả biểu quyết có 07 thành viên, gồm 01 trưởng ban và 06 thành viên do Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua theo đề nghị của Chủ tọa.

2. Ban kiểm tra kết quả biểu quyết có nhiệm vụ:

a. Hướng dẫn cổ đông tham dự ĐHĐCĐ cách sử dụng Phiếu biểu quyết; thực hiện việc đếm số phiếu biểu quyết theo từng loại: tán thành, không tán thành, không có ý kiến ngay sau khi ĐHĐCĐ biểu quyết;

b. Ghi nhận kết quả biểu quyết của các cổ đông và đại diện cổ đông đối với các vấn đề được lấy ý kiến thông qua tại ĐHĐCĐ;

c. Tổng hợp và báo cáo Chủ tọa kết quả biểu quyết các vấn đề của ĐHĐCĐ;

h. Báo cáo kết quả biểu quyết (Biên bản kiểm tra kết quả biểu quyết) trước ĐHĐCĐ;

i. Bàn giao lại Biên bản kiểm tra kết quả biểu quyết cho Thư ký Đại hội;

k. Cùng Chủ tọa ĐHĐCĐ xem xét và giải quyết khiếu nại, tố cáo về kết quả biểu quyết (nếu có) và báo cáo đề Đại hội đồng cổ đông quyết định;

l. Thực hiện các nhiệm vụ được giao khác.

## **Chương III**

### **TRÌNH TỰ TIẾN HÀNH ĐHĐCĐ**

#### **Điều 10. Điều kiện tiến hành ĐHĐCĐ**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông được lập tại thời điểm chốt danh sách cổ đông để triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ. Ban kiểm tra tư cách cổ đông thông báo số lượng cổ đông tham dự, tổng số cổ phần có quyền biểu quyết mà các cổ đông đại diện và tỷ lệ tham dự để Đại hội có thể tiến hành theo quy định.

2. Trường hợp ĐHĐCĐ không đủ điều kiện tiến hành theo quy định trên đây thì việc triệu tập và tiến hành Đại hội cổ đông các lần tiếp theo sẽ được tiến hành theo quy định của Điều lệ Tổng công ty và Luật Doanh nghiệp.

### **Điều 11. Tiến hành ĐHĐCĐ**

1. ĐHĐCĐ sẽ diễn ra theo đúng trình tự nội dung chương trình đã được ĐHĐCĐ thông qua.
2. Trường hợp có thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp cho cổ đông, các thay đổi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
3. ĐHĐCĐ sẽ lần lượt thảo luận và thông qua các nội dung tại chương trình ĐHĐCĐ theo hình thức biểu quyết quy định tại Điều 12 và Điều 13 của Quy chế này.
4. ĐHĐCĐ bế mạc sau khi Biên bản ĐHĐCĐ được thông qua.

### **Điều 12. Thảo luận và chất vấn tại ĐHĐCĐ.**

1. Căn cứ vào số lượng cổ đông tham dự và thời lượng cho phép của ĐHĐCĐ, Chủ tọa ĐHĐCĐ có thể lựa chọn phương pháp điều khiển cuộc họp. Cổ đông tham dự ĐHĐCĐ phát biểu ý kiến thảo luận, chất vấn bằng cách giơ tay đề nghị phát biểu và được sự đồng ý của Chủ tọa ĐHĐCĐ hoặc điền vào Phiếu câu hỏi gửi cho Ban chủ tọa. Trong cùng một thời điểm chỉ có một cổ đông được quyền phát biểu. Trường hợp nhiều cổ đông có ý kiến cùng lúc thì Chủ tọa sẽ mời tuân tự từng cổ đông trình bày ý kiến của mình.
2. Cổ đông phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với chương trình ĐHĐCĐ đã thông qua. Nội dung ý kiến đề xuất của cổ đông không được vi phạm pháp luật, liên quan đến vấn đề cá nhân hoặc vượt quá quyền hạn của doanh nghiệp. Chủ tọa ĐHĐCĐ có quyền nhắc nhở hoặc đề nghị cổ đông tập trung vào nội dung trọng tâm cần phát biểu để tiết kiệm thời gian và đảm bảo chất lượng thảo luận.
3. ĐHĐCĐ thống nhất tổng thời lượng phát biểu của một cổ đông tối đa không quá 5 phút/lần. Nếu quá thời lượng này, Chủ tọa ĐHĐCĐ có thể yêu cầu cổ đông lập các câu hỏi, kiến nghị thành văn bản, Ban Thư ký ĐHĐCĐ phải ghi nhận và Hội đồng quản trị trong phạm vi thẩm quyền của mình sẽ trả lời bằng văn bản cho cổ đông trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận được kiến nghị của cổ đông.

### **Điều 13. Thể lệ biểu quyết và thông qua các quyết định tại ĐHĐCĐ**

1. Nguyên tắc biểu quyết: cổ đông có thể biểu quyết thông qua các hình thức sau:
  - a. Biểu quyết trực tiếp tại ĐHĐCĐ bằng việc giơ Phiếu biểu quyết;
  - b. Biểu quyết thông qua việc cử người ủy quyền tới dự họp, khi đó người được ủy quyền tham dự ĐHĐCĐ và biểu quyết như hình thức cổ đông trực tiếp dự họp.
2. Các vấn đề được thông qua tại ĐHĐCĐ phải được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền có mặt tại ĐHĐCĐ chấp thuận, ngoại trừ nội dung quy định tại Khoản 3 Điều này.

3. Nghị quyết về các nội dung sau đây được thông qua khi có từ 65% tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại ĐHĐCĐ:

- a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b) Thay đổi ngành nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Tổng công ty về mô hình hoạt động và Người đại diện theo pháp luật quy định tại Điều 137 Luật Doanh nghiệp;
- d) Quyết định dự án đầu tư, giao dịch mua, bán tài sản của Tổng công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua do Tổng công ty hoặc chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Tổng công ty và các chi nhánh của Tổng công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;
- đ) Quyết định việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác với tổng giá trị góp vốn, mua cổ phần từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Tổng Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;
- e) Giải thể, phá sản và các hình thức tổ chức lại Tổng Công ty;
- f) Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Tổng công ty.

#### 4. Hình thức biểu quyết:

a. Cổ đông (hoặc người đại diện theo ủy quyền) biểu quyết từng nội dung trong chương trình ĐHĐCĐ. Khi biểu quyết một vấn đề được ĐHĐCĐ đưa ra, các cổ đông biểu quyết bằng cách giơ phiếu biểu quyết lên cao; Việc xác định kết quả biểu quyết được tiến hành bằng cách đếm số phiếu biểu quyết tán thành, số phiếu biểu quyết không tán thành và số phiếu biểu quyết không có ý kiến;

b. Đối với từng vấn đề cần biểu quyết, Chủ tọa sẽ hỏi ý kiến của cổ đông theo trình tự: Tán thành; Không tán thành; Không có ý kiến. Trường hợp cổ đông không giơ Phiếu biểu quyết thì coi như không có ý kiến. Với từng vấn đề xin ý kiến biểu quyết, các cổ đông chỉ được giơ Phiếu biểu quyết một lần.

#### **Điều 14. Phiếu biểu quyết:**

1. Phiếu biểu quyết được đóng dấu của Tổng công ty do Ban kiểm tra tư cách cổ đông phát cho các cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự cuộc họp. Phiếu biểu quyết được ghi mã số, họ tên, chữ ký cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền của cổ đông và các yếu tố kỹ thuật khác giúp cho việc kiểm phiếu chính xác, thuận tiện.

2. Giá trị biểu quyết của Phiếu biểu quyết được xác định bằng số cổ phần có quyền biểu quyết mà cổ đông đó sở hữu hoặc đại diện được ủy quyền tham dự ĐHĐCĐ.

#### **Điều 15. Biên bản cuộc họp ĐHĐCĐ**

1. Nội dung diễn biến tổ chức ĐHĐCĐ được lập thành Biên bản. Chủ tọa và Thư ký ĐHĐCĐ chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của Biên bản ĐHĐCĐ.

2. Biên bản ĐHĐCĐ phải được công bố trước ĐHĐCĐ và được ĐHĐCĐ thông qua trước khi bế mạc.

3. Biên bản Đại hội, Biên bản kiểm tra tư cách cổ đông, Biên bản kiểm phiếu và các tài liệu khác ghi nhận diễn biến, kết quả của ĐHĐCĐ phải được lưu trữ tại Trụ sở chính của Tổng công ty.

4. Biên bản ĐHĐCĐ phải được làm xong, thông qua trước khi bế mạc ĐHĐCĐ và công bố trên website của Tổng công ty trong vòng 24 giờ.

5. Biên bản ĐHĐCĐ là cơ sở để đưa ra Nghị quyết ĐHĐCĐ.

#### **Điều 16. Nghị quyết cuộc họp ĐHĐCĐ**

Căn cứ kết quả tại ĐHĐCĐ, Chủ tọa chuẩn bị Nghị quyết ĐHĐCĐ về các vấn đề đã được ĐHĐCĐ thông qua. Nghị quyết của ĐHĐCĐ phải được đọc tại ĐHĐCĐ để các cổ đông thông qua và công bố trên website của Tổng công ty trong vòng 24 giờ.

#### **Điều 17. Hiệu lực thi hành của Quy chế**

1. Quy chế này gồm ba (03) Chương, mười bảy (17) Điều và có hiệu lực ngay sau khi được ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua.

2. Đại hội đồng cổ đông quyết định việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này.

#### **Nơi nhận:**

- HĐQT, BKS (ecopy);
- ĐU, CD, ĐTN (ecopy);
- BGD, KTT (ecopy);
- Cổ đông của Tổng công ty;
- Văn phòng (đăng trên Website);
- Lưu: VT, HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Văn Hải**

